

Bản án số: **20/2022/HS-ST**
Ngày 15/3/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quang Toại.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thạch và ông Võ Văn Thành.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Tương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Khôi - Kiểm sát viên.

Trong ngày **15** tháng **3** năm **2022**, Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 30/2022/TLST - HS ngày 17 tháng 01 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2022/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 02 năm 2022, đối với bị cáo:

Họ và tên: **LÊ THỊ ANH P**, sinh ngày 20 tháng 8 năm 1994 tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: Tổ dân phố GT, thị trấn CO, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; Nghề nghiệp: công nhân; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nữ; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn S, sinh năm 1969 và con bà Đỗ Thị H, sinh năm 1971; chồng: Hồ Thanh Ph (đã ly hôn); có 01 con (con ngoài giá thú), sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Anh Huỳnh Tấn S, sinh năm 1994; nơi cư trú: Đội 13, thôn C, xã BN, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

Người làm chứng:

+ Anh Nguyễn Đức Th, sinh năm 1994; nơi cư trú: thôn C, xã BN, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1995; nơi cư trú: thôn ST 2, xã BĐ, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

+ Bà Phạm Thị Tr, sinh năm 1944; nơi cư trú: xóm 5, tổ dân phố GT, thị trấn CO, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Xuân H, sinh năm 1995 và chị Lê Thị Kim N, sinh năm 1995; cùng nơi cư trú: thôn PT, xã BT, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Lê Thị Anh P và anh Nguyễn Đức Th, sinh năm 1994; ở tại thôn C, xã BN, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi có quan hệ bạn bè. Cả hai cùng quen biết với bị hại Huỳnh Tấn S. Do cần tiền trả nợ cá nhân nên bị cáo nảy sinh ý định lừa bị hại Huỳnh Tấn S nhằm chiếm đoạt tài sản. Bị cáo biết được mối quan hệ giữa anh Nguyễn Đức Th và Huỳnh Tấn S là bạn thân và biết được anh Nguyễn Đức Th dùng tài khoản Facebook tên là: “*Nguyễn Đức Th (T)*”. Để tạo niềm tin nhằm thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của anh Huỳnh Tấn S, bị cáo P đã lập một tài khoản Facebook có tên tài khoản gần giống với tên tài khoản Facebook của anh Nguyễn Đức Th, tên tài khoản giả mạo là: “*Nguyễn Đức Th T*” và tải hình của anh Th làm hình đại diện cho tài khoản Facebook giả nhằm mục đích giả mạo anh Nguyễn Đức Th nhắn tin cho anh Huỳnh Tấn S qua tài khoản Facebook tên là “*KH*” của anh S hỏi mượn tiền của anh S. Để tránh bị phát hiện là người giả mạo anh Th và tạo niềm tin cho anh S nghĩ rằng người nhắn tin là anh Th, bị cáo P nhắn tin nói dối với anh S là tài khoản Ngân hàng bị hỏng nên nhờ chuyển vào tài khoản Ngân hàng của bạn làm chung Công ty.

Do có quen biết với vợ chồng anh Nguyễn Xuân H và chị Lê Thị Kim Ng, bị cáo nói dối là thẻ Ngân hàng bị hỏng nên nhờ tài khoản Ngân hàng của anh Nguyễn Xuân H có tài khoản số 57310000323XXX mở tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (sau đây gọi tắt là Ngân hàng BIDV) và tài khoản Ngân hàng của chị Lê Thị Kim Ng có tài khoản số 0571000021XXX mở tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (sau đây gọi tắt là Ngân hàng VCB) để nhận tiền do anh S chuyển tiền cho bị cáo và chuyển lại vào tài khoản của bị cáo.

Vào ngày 04 và ngày 05/8/2021, bị cáo Lê Thị Anh P dùng tài khoản facebook có tên “*Nguyễn Đức Th T*” đóng giả Nguyễn Đức Th nhắn tin cho Huỳnh Tấn S qua tài khoản tên: “*KH*” nói dối là anh Th cần tiền trả tiền thuê nhà cho người yêu và xét nghiệm Covid-19 nên cần mượn tiền của anh Huỳnh Tấn S. Khi nhận được tin nhắn do bị cáo giả mạo gửi như trên, anh S nhầm tưởng rằng bạn thân là Nguyễn Đức Th hỏi vay, mượn tiền nên anh Huỳnh Tấn S đồng ý và không có nghi ngờ gì (trước đó, anh Th và anh S cũng đã thường hỏi vay, mượn của nhau khi có việc cần). Trong cùng ngày 04/8/2021, anh Huỳnh Tấn S chuyển tiền vào số tài khoản của anh Hữu và chị Nga như trên với số tiền chuyển mỗi lần là 2.500.000đồng. Sau khi anh Huỳnh Tấn S chuyển tiền thì bị cáo P nhờ anh H, chị Ng chuyển lại số tiền trên vào số tài khoản 0271001092XXX của Lê Thị Anh P mở tại Ngân hàng VCB.

Ngày 05/8/2021, Lê Thị Anh P tiếp tục sử dụng tài khoản facebook “*Nguyễn Đức Th T*” giả mạo Nguyễn Đức Th nhắn tin cho Huỳnh Tấn S qua tài khoản tên: *KH* nói dối là do đang cách ly tại Công ty (tức anh Nguyễn Đức Th đang cách ly), không ra ngoài được và cần tiền mua ít đồ dùng cá nhân nên hỏi vay, mượn của anh Huỳnh Tấn S thêm số tiền 2.000.000đồng, do anh S nhắn tin lại là: tài khoản không đủ tiền để chuyển khoản, chỉ có tiền mặt thì bị cáo nhắn lại là có người yêu

của anh Th đến nhà nhận tiền giúp. Sau đó, bị cáo lấy điện thoại của bà Phạm Thị Tr (là bà nội của P) giả làm người yêu của anh Nguyễn Đức Th để gọi điện thoại cho anh S để nhận tiền giúp cho Nguyễn Đức Th. Bị cáo điều khiển xe máy biển kiểm soát 76C1–700YY đến nhà anh S để lấy tiền, khi gặp anh S bị cáo P đeo khẩu trang và mặc đồ chống nắng nên anh S không nhận ra. Sau khi đưa tiền xong cho bị cáo thì anh S có nghi ngờ nên chụp lại biển số xe của bị cáo và liên lạc với anh Nguyễn Đức Th để hỏi về số tiền mượn nhưng anh Th tắt máy nên anh S đến nhà thì nhìn thấy anh Th đang nằm ở nhà, khi đó anh S biết được anh đã bị lừa nên có nhắn tin cho bị cáo P đòi lại số tiền thì bị cáo tắt máy. Đến khoảng hơn 17 giờ 00 ngày 05/8/2021, anh S cùng anh Th đến Công an huyện Bình Sơn gửi đơn tố giác tội phạm.

Tổng cộng số tiền bị cáo Lê Thị Anh P chiếm đoạt của anh Huỳnh Tấn S là 7.000.000đồng (Bảy triệu đồng).

Tại Bản Cáo trạng số 08/CT-VKS-BS, ngày 09/01/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi đã truy tố bị cáo Lê Thị Anh P về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi giữ nguyên Quyết định truy tố đối với bị cáo Lê Thị Anh P về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lê Thị Anh P mức án từ 09 (chín) tháng đến 12 (mười hai) tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Lê Thị Anh P đã tự nguyện khắc phục hậu quả trả lại cho anh Huỳnh Tấn S số tiền 7.000.000đồng, anh S đã nhận đủ tiền, không có yêu cầu gì thêm nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Về xử lý vật chứng vụ án:

Đối với 01 điện thoại di động Iphone 7 plus màu vàng đã qua sử dụng là công cụ bị cáo dùng để nhắn tin thực hiện hành vi phạm tội nên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tịch thu sung ngân sách nhà nước.

Đối với xe mô tô Biển kiểm soát 76C1 – 700YY, bị cáo sử dụng để đến nhà anh Huỳnh Tấn S lấy tiền được xác định thuộc sở hữu anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1995, ở tại thôn ST, xã BĐ, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, chiếc xe được anh T giao cho Lê Thị Anh P mượn sử dụng. Anh T không biết bị cáo P sử dụng vào mục đích phạm tội. Vì vậy, Cơ quan cảnh sát điều tra không thu giữ chiếc xe trên là có căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Ý kiến bào chữa, tranh luận của bị cáo: Bị cáo không có tranh luận gì về điều luật áp dụng, tội danh, mức hình phạt, hình phạt bổ sung, trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn.

Ý kiến bào chữa, tranh luận của bị hại: Bị hại không có tranh luận gì về điều luật áp dụng, tội danh, mức hình phạt, hình phạt bổ sung, trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình

Son; Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, vì bị cáo một mình nuôi con nhỏ.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên thu thập và người tham gia tố tụng khác cung cấp là phù hợp với quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

[1.2] Xét tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung:

[2.1] Tại phiên tòa, bị cáo Lê Thị Anh P khai nhận hành vi phạm tội như phần tóm tắt nội dung vụ án; lời khai của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời nhận tội của bị cáo; lời khai của bị hại; lời khai của người làm chứng; vật chứng được thu giữ và các chứng cứ khác được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án.

Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Lê Thị Anh P là người có đủ năng lực nhận thức, điều khiển hành vi. Bị cáo và anh Nguyễn Đức Th có quan hệ tình cảm nhưng đã chia tay và biết được anh Nguyễn Đức Th dùng tài khoản Facebook tên là: *Nguyễn Đức Th (T)*. Bị cáo lợi dụng việc biết anh Nguyễn Đức Th và anh Huỳnh Tấn S là bạn thân nên bị cáo P đã lập một tài khoản Facebook có tên "*Nguyễn Đức Th T*", tên tài khoản gần giống với tên tài khoản Facebook của anh Nguyễn Đức Th và đã dùng tài khoản này giả mạo anh Nguyễn Đức Th để nhắn tin cho anh Huỳnh Tấn S qua tài khoản Facebook tên: "*KH*" của S để hỏi vay, mượn tiền.

Vào ngày 04 và ngày 05 tháng 8 năm 2021, bị cáo đã 03 lần dùng tài khoản Facebook có tên "*Nguyễn Đức Th T*" giả mạo anh Nguyễn Đức Th nhắn tin cho anh Huỳnh Tấn S qua tài khoản Facebook tên *KH* mượn tiền của anh S; phương thức thực hiện hành vi của bị cáo P là giả mạo anh Nguyễn Đức Th nhắn tin nói dối với anh Huỳnh Tấn S là anh Th cần tiền đưa cho bạn gái nộp tiền thuê nhà trọ và tiền xét nghiệm Covid -19 tại Công ty. Để che dấu hành vi của mình, bị cáo nói dối với anh S là thẻ tài khoản Ngân hàng (tức tài khoản của anh Nguyễn Đức Th) bị hỏng nên phải nhờ anh S chuyển tiền vào tài khoản Ngân hàng của bạn làm chung Công ty nhận giúp và nhờ người yêu của anh Th đến nhà anh S nhận tiền giúp, cụ thể:

+ Lần thứ nhất: Vào ngày 04/8/2021, bị cáo nhắn tin yêu cầu anh S chuyển tiền cho anh Th vay, mượn số tiền 2.500.000đồng vào tài khoản của chị Lê Thị Kim Ng có tài khoản số 0571000021XXX mở tại Ngân hàng VCB.

+ Lần thứ hai: Vào ngày 04/8/2021, bị cáo nhắn tin yêu cầu anh S chuyển tiền cho anh Th vay, mượn số tiền 2.500.000đồng vào tài khoản của anh Nguyễn Xuân H có tài khoản số 57310000323XXX mở tại Ngân hàng BIDV.

Bị cáo nói dối với anh Nguyễn Xuân H và chị Lê Thị Kim Ng thẻ Ngân hàng của bị cáo đã bị hỏng nên nhờ nhận tiền giúp, khi có người chuyển tiền trả cho mẹ của bị cáo thì nhờ chuyển lại vào tài khoản số tài khoản 0271001092XXX của bị cáo P mở tại Ngân hàng VCB. Trong ngày 04/8/2021, tài khoản Ngân hàng của chị Lê Thị Kim Ng nhận được số tiền 2.500.000đồng và ngày 05/8/2021 anh Nguyễn Xuân H, nhận được số tiền 2.500.000đồng đều do anh S chuyển tiền vào tài khoản và đã chuyển lại vào tài khoản của bị cáo P như trên.

+ Lần thứ ba: Vào ngày 05/8/2021, bị cáo tiếp tục dùng tài khoản Facebook trên giả mạo anh Nguyễn Đức Th để nhắn tin cho anh Huỳnh Tấn S vào tài khoản Facebook có tên “KH” để hỏi mượn tiền lần thứ ba, với số tiền 2.000.000đồng, mục đích để xét nghiệm Covid-19, vì anh S nói hết tiền trong tài khoản chỉ có tiền mặt nên nhắn tin nói đến nhà nhận tiền thì bị cáo giả danh anh Th nói với anh S là sẽ có bạn gái đến nhà trực tiếp nhận tiền, vì bị cáo (tức anh Th) đang bị cách ly trong Công ty để xét nghiệm Covid -19. Bị cáo sử dụng điện thoại của bà nội là bà Phạm Thị Tr điện thoại giả mạo bạn gái anh Th để hỏi đường đến nhà anh S nhận tiền giúp anh Th. Khi đến nhà anh S nhận số tiền 2.000.000đồng, bị cáo điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 76C1-700YY và đeo khẩu trang và áo chống nắng nên anh S không nhận ra bị cáo.

Sau khi nhận được số tiền 7.000.000đồng chiếm đoạt như trên, bị cáo đã sử dụng trả nợ và tiêu xài cá nhân.

Tại phiên tòa, anh Huỳnh Tấn S khai rằng: Bị cáo P đã 03 lần dùng tài khoản Facebook có tên “Nguyễn Đức Th T” giả mạo anh Nguyễn Đức Th nhắn tin cho anh qua tài khoản Facebook tên KH hỏi vay, mượn của anh số tiền 7.000.000đồng như bị cáo khai nhận trên là đúng. Khi nhắn tin qua lại với tài khoản Facebook có tên “Nguyễn Đức Th T” thì anh nhìn thấy hình đại diện là hình ảnh của anh Nguyễn Đức Th nên nghĩ người nhắn tin với anh là bạn thân (Nguyễn Đức Th) và không có nghi ngờ bị cáo giả mạo nên mới đồng ý cho vay, mượn tiền, vào ngày 04/8/2021 anh S đã gửi vào tài khoản Ngân hàng của chị Lê Thị Kim Ng và anh Nguyễn Xuân H tổng số tiền 5.000.000đồng và đưa tiền trực tiếp cho bị cáo P số tiền 2.000.000đồng, sau khi bị cáo nhận tiền và lên xe về thì anh S nghi ngờ nên chụp lại biển số xe của bị cáo, đồng thời liên lạc với anh Nguyễn Đức Th để hỏi về số tiền mượn nhưng anh Th tắt máy nên anh S đến nhà thì nhìn thấy anh Th đang nằm ở nhà, khi đó anh S biết được anh đã bị lừa thì nhắn tin cho bị cáo P yêu cầu trả lại tiền và cho bị cáo cơ hội sửa sai nhưng bị cáo tắt máy nên anh S cùng anh Th đến Công an tố giác tội phạm. Sau khi Công an gọi bị cáo lên làm việc thì đến ngày 15/8/2021 bị cáo trả lại đủ số tiền 7.000.000đồng cho anh.

Hành vi của bị cáo Lê Thị Anh P giả mạo anh Nguyễn Đức Th làm cho anh Huỳnh Tấn S nhầm tưởng là anh Th có nhu cầu vay, mượn tiền nên đã đồng ý cho

mượn tiền và giao tiền cho bị cáo với số tiền 7.000.000đồng (bảy triệu đồng). Hành vi của bị cáo như nêu trên đã đủ yếu tố cấu thành tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn truy tố bị cáo Lê Thị Anh P là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2.2] Xét tính chất, vai trò, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Hành vi của bị cáo Lê Thị Anh P gây ra là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của bị hại, gây mất trật tự an toàn xã hội tại địa bàn xã Bình Nguyên nói riêng và huyện Bình Sơn nói chung nên cần phải xử phạt bị cáo mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho xã hội.

[2.3] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Trong hai ngày 04 và ngày 05/8/2021, bị cáo đã 03 lần thực hiện hành vi phạm tội, số tiền chiếm đoạt của bị hại mỗi lần đều đủ định lượng tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” nhưng chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị Tòa án tuyên án nên cần áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*phạm tội 02 lần trở lên*” để xem xét quyết định mức án nghiêm khắc đối với bị cáo.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã khắc phục xong hậu quả, trả lại đủ số tiền chiếm đoạt của bị hại; bị cáo thành khẩn khai báo và đang nuôi con nhỏ; bị hại xin bãi nại và giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[2.4] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[2.5] Về trách nhiệm dân sự: Tại giai đoạn điều tra, bị cáo đã khắc phục hậu quả xong cho bị hại, bị hại đã nhận đủ số tiền bị chiếm đoạt 7.000.000đồng, không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[2.6] Về xử lý vật chứng:

[2.6.1] Đối với 01 điện thoại di động iphone 7 plus màu vàng đã qua sử dụng là phương tiện bị cáo dùng để tạo tài khoản Facebook “Nguyễn Đức Th T” và nhắn tin cho tài khoản Facebook tên “KH” của Huỳnh Tấn S nhằm chiếm đoạt tài sản của anh S, chiếc điện thoại này được xem là phương tiện phạm tội nên phải tuyên tịch thu sung ngân sách nhà nước.

[2.6.2] Đối với xe mô tô Biển kiểm soát 76C1 – 700YY, bị cáo Lê Thị Anh P sử dụng để đến nhà Huỳnh Tấn S lấy tiền được xác định thuộc sở hữu anh Nguyễn Thanh T, chiếc xe được anh T giao cho Lê Thị Anh P sử dụng. Anh T hoàn toàn không biết bị cáo P sử dụng vào mục đích phạm tội nên Cơ quan cảnh sát điều tra không thu giữ chiếc xe trên là có căn cứ.

[2.6.3] Đối với chiếc điện thoại của bà Phạm Thị Tr (bà nội của bị cáo P), do bị cáo tự ý lấy sử dụng giả làm người yêu của Nguyễn Đức Th để liên lạc cho S nhận tiền chiếm đoạt của anh S. Bị cáo tự ý lấy điện thoại để sử dụng, bà Tr

không biết. Vì vậy, Cơ quan cảnh sát điều tra không thu giữ chiếc điện thoại trên là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[2.7] Về những vấn đề khác:

[2.7.1] Đối với anh Nguyễn Xuân H, chị Lê Thị Kim Ng: Anh H, chị Ng cho bị cáo mượn tài khoản của mình để nhận tiền từ bị hại chuyển đến, sau đó lại chuyển số tiền nêu trên cho bị cáo. Tuy nhiên, vì có mối quan hệ quen biết và bị cáo nói dối với anh H, chị Ng là thẻ rút tiền của mình bị hỏng, có người chuyển trả tiền cho mẹ bị cáo nên anh, chị mới cung cấp thông tin tài khoản cho bị cáo. Anh H, chị Ng hoàn toàn không biết bị cáo sử dụng tài khoản của anh, chị vào mục đích phạm tội. Do đó, anh H, chị Ng không đồng phạm với bị cáo về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, Cơ quan cảnh sát điều tra không xử lý anh H, chị Ng là đúng quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[2.7.2] Đối với việc anh Nguyễn Thanh T cho bị cáo mượn xe mô tô biển kiểm soát 76C1 – 700YY và bị cáo đã sử dụng xe mô tô nói trên vào việc lừa đảo chiếm đoạt tài sản của anh S. Tuy nhiên, quá trình điều tra và tại phiên tòa, xác định được anh T chỉ cho bị cáo mượn xe mô tô làm phương tiện đi lại, việc bị cáo sử dụng vào việc phạm tội anh Thủy hoàn toàn không biết, Cơ quan cảnh sát điều tra không xử lý anh Nguyễn Thanh T là đúng quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[2.7.3] Đối với bà Phạm Thị Tr: Bị cáo tự ý lấy điện thoại để sử dụng, bà Tr không biết nên Cơ quan cảnh sát điều tra không xử lý bà Tr là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[3] Xét ý kiến đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn: Về đề nghị áp dụng pháp luật; tội danh; mức hình phạt; hình phạt bổ sung; tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ, trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng như trên là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Xét ý kiến tranh luận: Bị cáo và bị hại đều không có tranh luận gì nên không xét.

[5] Xét lời nói sau cùng của bị cáo: Lời nói sau cùng của bị cáo là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận, Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo tương ứng với tình tiết giảm nhẹ bị cáo được hưởng.

[6] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải nộp 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo **Lê Thị Anh P** phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Xử phạt: Lê Thị Anh P **01** (một) năm tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

2. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

4. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tuyên tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động iphone 7 plus màu vàng có đặc điểm theo như Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 18/02/2022 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an huyện Bình Sơn và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

5. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015 và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc Lê Thị Anh P phải nộp án phí hình sự sơ thẩm 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng).

6. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo, bị hại đều có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 15/3/2022).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- Công an; VKS; CCTHA huyện Bình Sơn;
- UBND thị trấn Châu Ổ;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ; án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Quang Toại